

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 31-5-2018
V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHƠN TRẠCH, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Tài

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Mai Thanh Minh

Ông Trần Văn Điệp

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngọc Thị Ngoan -Thư ký Tòa án nhân dân huyện N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 542/2017/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2018/QĐST – HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị Xuân H, sinh năm 1984 (có mặt)

Địa chỉ: ấp 1, xã L, huyện N, tỉnh Đồng Nai

2. Bị đơn: Anh Trần Văn T, sinh năm 1979 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp 3, xã H, huyện N, tỉnh Đồng Nai

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện ngày 08/9/2017, các bản khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Trần Thị Xuân H trình bày:***

Chị chung sống với anh Trần Văn T vào năm 2005, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được UBND xã H, huyện N, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 28, quyền số 01 ngày 10/3/2010.

Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do anh T thường xuyên nhậu nhẹt, không phụ giúp công việc gia đình, chị H đã nhiều lần khuyên ngăn, tạo nhiều cơ hội cho anh T sửa đổi nhưng anh T không thay đổi nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Chị H đã về nhà mẹ ruột ở ấp 1, xã L sống từ tháng 6/2017 đến nay không hòa giải đoàn tụ.

Nay chị H cương quyết xin ly hôn với anh T vì vợ chồng hết tình cảm, mâu thuẫn đã trầm trọng và kéo dài, không thể hòa giải đoàn tụ được nữa.

- Con chung: có 02 con chung là cháu Trần Thị Thúy H, sinh ngày 31/8/2005; cháu Trần Thị Hồng V, sinh ngày 09/6/2010. Nếu ly hôn chị sẽ nuôi dưỡng cháu V, anh T nuôi dưỡng cháu H và không ai cấp dưỡng nuôi con.

- Tài sản chung, nợ chung: không có nên không yêu cầu giải quyết.

* *Tại biên bản lấy lời khai ngày 29/12/2017 bị đơn anh Trần Văn T trình bày tại hồ sơ:*

Anh và chị H chung sống vào năm 2010, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được UBND xã H cấp giấy chứng nhận kết hôn số 28, quyền số 01 ngày 10/3/2010.

Trong quá trình chung sống giữa anh và chị H không có mâu thuẫn trầm trọng, anh thừa nhận anh có nhậu nhẹt dẫn đến vợ chồng hay cãi vã, đến tháng 6/2017 chị H bỏ về nhà mẹ ruột ở ấp 1 xã L sống đến nay không bàn bạc đoàn tụ.

Nay chị H xin ly hôn anh, anh không đồng ý vì anh còn thương vợ, thương con, vì lý do công việc xin được vắng mặt khi hòa giải và xét xử.

Về con chung: Anh và chị H có 02 con chung là cháu Trần Thị Thúy H, sinh ngày 31/8/2005; cháu Trần Thị Hồng V, sinh ngày 09/6/2010. Trường hợp Tòa án chấp nhận đơn ly hôn của chị H thì anh đồng ý giao cháu V cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng, anh sẽ tiếp tục nuôi dưỡng cháu H và không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, HĐXX, Thư ký và người tham gia tố tụng là đúng quy định.

- Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị Xuân H vì mâu thuẫn giữa vợ chồng đã trầm trọng, không còn khả năng hòa giải đoàn tụ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Trần Văn T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên căn cứ Điều 227, 228 của Bộ Luật tố tụng dân sự vẫn tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

Về thẩm quyền giải quyết vụ án, quan hệ tranh chấp và tư cách đương sự: chị Trần Thị Xuân H ly hôn với anh Trần Văn T. Hiện nay anh T cư trú tại 3, xã H, huyện N, tỉnh Đồng Nai nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện N có thẩm quyền giải quyết vụ án. Quan hệ tranh chấp được xác định là “ Ly hôn”. Căn cứ Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định nguyên đơn là chị Trần Thị Xuân H, bị đơn là anh Trần Văn T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Xuân H chung sống với anh Trần Văn T vào năm 2010, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện N, tỉnh Đồng Nai (giấy chứng nhận kết hôn số 28, quyển số 01 ngày 10/3/2010) nên hôn nhân trên được xem là hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của chị H là có căn cứ chấp nhận, bởi lẽ chị H và anh T đều thừa nhận quan hệ hôn nhân giữa anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn về tình cảm vợ chồng nguyên nhân là do anh T thường xuyên nhậu nhẹt, không chăm lo cho gia đình, anh chị thường xuyên cãi vã, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Từ đó, cho thấy tình trạng hôn nhân của anh chị trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, anh chị đã có thời gian dài sống ly thân, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần xử cho chị H ly hôn với anh T là phù hợp với các quy định của pháp luật.

[3] Về con chung, tài sản chung, nợ chung:

- Về con chung: Chị H và anh T khai có 02 con chung là cháu Trần Thị Thúy H, sinh ngày 31/8/2005; cháu Trần Thị Hồng V, sinh ngày 09/6/2010. Chị H, anh T thống nhất giao cháu V cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng, giao cháu H cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng và nguyện vọng cháu H là muốn sống với ba, cháu V muốn sống với mẹ. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị H, anh T khai không có nên Tòa án không xem xét

[4] Xét ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật tố tụng và đường lối giải quyết vụ án là có căn cứ pháp luật, phù hợp với nhận định trên nên chấp nhận.

[5] Về án phí: Chị H phải chịu toàn bộ án phí HNGĐ theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 68, 147, 220, 227, 228, 264, 266 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 51, 56, 58 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Trần Thị Xuân H về việc “Ly hôn” đối với bị đơn anh Trần Văn T.

- Về con chung: Giao cháu Trần Thị Thúy H, sinh ngày 31/8/2005 cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng, giao cháu Trần Thị Hồng V, sinh ngày 09/6/2010 cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng tạm thời không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự khai không có nên không xem xét giải quyết.

Chị H, anh T được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về án phí: Chị Trần Thị Xuân H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 001803 ngày 04/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Đồng Nai; chị H đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Chị H có quyền làm đơn kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh T có quyền làm đơn kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án theo quy định.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh ĐN;
- VKS, Thi hành án cùng cấp;
- Các đương sự;
- UBND xã H;
- Lưu hồ sơ vụ án, Vp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Hữu Tài

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Mai Thanh Minh – Trần Văn Điệp

Nguyễn Hữu Tài

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Ngọc - Lâm Ngọc Trao

Nguyễn Hữu Tài

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND cùng cấp;
- Tòa án tỉnh; Thi hành án;
- UBND xã Vĩnh Thanh;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Hữu Tài